

Số: /SKHCN-KHTC
V/v xây dựng kế hoạch KH, CN &
ĐMST và dự toán ngân sách khoa học
và công nghệ năm 2024.

Quảng Trị, ngày tháng 5 năm 2023.

Kính gửi:

- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Quỹ Phát triển KH&CN.

Thực hiện Công văn số 938/BKHCN-KHTC ngày 06/4/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn bổ sung kế hoạch KH, CN & ĐMST đến năm 2025; xây dựng kế hoạch KH, CN & ĐMST và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2024 và Công văn số 1595/UBND-KGVX ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thực hiện hướng dẫn bổ sung xây dựng Kế hoạch KHCN, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc Sở và Quỹ Phát triển KH&CN thực hiện xây dựng kế hoạch cụ thể như sau:

1. Nội dung.

Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ theo chức năng nhiệm vụ thực hiện xây dựng kế hoạch theo các nội dung sau:

- Báo cáo theo các nội dung phần C, D của Công văn số 938/BKHCN-KHTC ngày 06/4/2023 và các phụ lục kèm theo.
- Kế hoạch tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, triển khai và quản lý nhà nước về KH&CN
- Kế hoạch các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.
- Kế hoạch chi nhiệm vụ thường xuyên và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN
- Kế hoạch thu, chi sự nghiệp, dịch vụ.

2. Biểu mẫu.

- Đề cương, biểu mẫu thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 938/BKHCN-KHTC ngày 06/4/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ (*phụ lục kèm theo*).

+ Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện báo cáo theo các nội dung phần C, D và các biểu có nội dung liên quan.

+ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ chỉ lập Phụ lục 1 – Biểu TK1-8.

- Các phòng thuộc xây dựng kế hoạch các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN; các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở xây dựng kế hoạch chi nhiệm vụ thường xuyên, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN và kế hoạch thu, chi sự nghiệp, dịch vụ; kế hoạch tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, triển khai và quản lý nhà nước về KH&CN theo biểu mẫu đã xây dựng năm 2023.

3. Tiến độ.

Đề nghị các phòng, đơn vị thuộc Sở hoàn thành việc xây dựng kế hoạch gửi về phòng Kế hoạch – Tài chính chậm nhất là ngày 25/5/2023 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Lân

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /SKHCN-KHTC ngày tháng 5 năm 2023
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị)

STT	Danh mục phụ lục	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
I	Phụ lục 1		
1	<i>Biểu TK1-1:</i> Kết quả hoạt động KH&CN năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023.	Văn phòng	
2	<i>Biểu TK1-2:</i> Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật 2022 và 06 tháng đầu năm 2023.	- Phòng Quản lý khoa học; - Trung tâm Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo.	
3	<i>Biểu TK1-3:</i> Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023 (nếu có).	Phòng Quản lý khoa học	
4	<i>Biểu TK1-4:</i> Nhân lực và tổ chức KH&CN.	Văn phòng	
5	<i>Biểu TK1-5:</i> Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH, CN & ĐMST năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023.	- Phòng Quản lý Khoa học: Mục I; - Phòng Quản lý công nghệ và Đổi mới sáng tạo: Mục II, III, IV, VIII, X, XI, XII; - Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo: Mục V; - Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Mục VI; - Thanh tra: VII; - Văn phòng: Mục IX	
6	<i>Biểu TK1-6:</i> Văn bản về KH&CN	Văn phòng	

STT	Danh mục phụ lục	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	được ban hành năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023		
7	<i>Biểu TK1-7:</i> Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023	Phòng Quản lý khoa học	
8	<i>Biểu TK1-8:</i> Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN Địa phương	Quỹ phát triển KH&CN	
II	Phụ lục 2		
1	<i>Biểu TK2-1:</i> Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN năm 2024 của các Chương trình KH&CN quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành (nếu có)	Phòng Quản lý khoa học	
2	<i>Biểu TK2-2:</i> Kế hoạch thực hiện các chương trình/nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh năm 2024.	Phòng Quản lý khoa học	
3	<i>Biểu TK2-3:</i> Kế hoạch vốn đầu tư phát triển KH&CN năm 2024.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	
4	<i>Biểu TK2-4:</i> Dự toán kinh phí KH&CN năm 2024	Phòng Kế hoạch – Tài chính	
5	<i>Biểu TK2-5:</i> Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2024	Phòng Kế hoạch – Tài chính	

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-2

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ <i>(Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)</i>	Hiệu quả kinh tế - xã hội <i>(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)</i>	Ghi chú
1				
2				

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-3

KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 (NẾU CÓ)

STT	Tên Chương trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1					
2					

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-4

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN/Quyết định phân loại tự chủ tài chính ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2023						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2023 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6+9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, cơ quan TW, địa phương quyết định thành lập									
1										
2										
...										
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, cơ quan TW, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
2										

¹ Phân loại mức độ tự chủ tài chính thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-5

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH, CN & ĐMST
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ		
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ		
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ		
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ		
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ		
3	Giám định công nghệ	CN		
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	<i>Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới</i>	Nguồn		
-	<i>Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng</i>	Nguồn		
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	<i>Trong lĩnh vực Y tế</i>	Thiết bị		
-	<i>Trong lĩnh vực Công nghiệp</i>	Thiết bị		
-	<i>Trong An ninh hải quan</i>	Thiết bị		
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)		
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ		
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn		
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA		
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp	Quy chuẩn		

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
	dụng			
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị		
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ²	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyên đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST	Doanh nghiệp		

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
	được hỗ trợ			
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		
6	Số vốn thu hút đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST	Tr.đ		

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-7

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOÁN
ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Số nhiệm vụ triển khai năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh		
Cấp cơ sở		

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-8

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định thành lập <i>(số, ngày tháng năm)</i>	Vốn điều lệ <i>(Triệu đồng)</i>	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,		Giải ngân <i>(Triệu đồng)</i>		Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí <i>(Triệu đồng)</i>	Năm 2022	06 tháng đầu năm 2023	
		Tài trợ				
		Cho vay				
		Bảo lãnh vốn vay				
					

Bộ, cơ quan ngang bộ....

Phụ lục 2
Biểu TK2-4**DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2023	DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2024
A	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các Chương trình/Đề án được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý – nếu có)	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1.1	Chương trình/Đề án 1		
1.2	Chương trình/Đề án 2		
....			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
3.1			
3.2			
...			
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
4.1			
4.2			
...			
5	Nhiệm vụ KH&CN được Thủ tướng Chính phủ giao		
5.1			
...			
B	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1		
2	Dự án 2		
...			
	Tổng số (A + B)		

UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 2
Biểu TK2-5**DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2023	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2023	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2023	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2024
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)				
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện				
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên				
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước				
	Hoạt động Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng				
	Sở hữu trí tuệ				
	Thông tin và thống kê KH&CN				
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân				
	Đào tạo, tập huấn				
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN				
	Thanh tra KH&CN				
	Hợp tác quốc tế				
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN				
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện				
6	Chi các đơn vị sự nghiệp				
7	Công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ				

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2023	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2023	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2023	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2024
	thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN				
8	Chi khác				
II	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1				
2	Dự án 2				
	Tổng số	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>